CŪḶAKAMMAVIBHAṄGASUTTAṂ

Kinh Tiểu Phân Biệt Nghiệp

Discourse on the Lesser Analysis of Deeds

小業分別經 (Tiểu Nghiệp Phân Biệt Kinh)

Pāli - Việt - English – Chinese - Hán

P	**Majjhimanikāya 135** **III. Uparipaṇṇāsapāḷi** **4. Vibhaṅgavaggo**
V	Kinh Trung Bộ 135 III. Nhóm Năm Mươi Cao Cấp 4. Phẩm Phân Biệt
E	[The Middle Length Sayings of the Buddha 135 III. The Final Fifty Discourses 4. The Division on Analysis]
C	中部經典 135 (Trung Bộ Kinh Điển 135) 第三篇:後分五十經篇 (Đệ tam thiên: hậu phần ngũ thập kinh thiên) 第四品:分別品 (Đệ tứ phẩm: Phân biệt phẩm)

MỤC LỤC

A.	PĀLI - VIỆT - ENGLISH – CHINESE - HÁN	4
	1. **Uddeso –** Mở đầu – Introduction	4
	2. **Appāyuka – Dīghāyuka** Đoản Mạng – Trường Thọ Shortness of Life-Span - Length of Life-Span 短命 (Đoản Mệnh) - 長命 (Trường Mệnh)	8
	3. **Bavhābādha - Appābādha** Nhiều Bệnh – Ít Bệnh Many Illnesses - Few Illnesses 多病 (Đa bệnh) – 無病 (Vô bệnh)	12
	4. **Dubbaṇṇa – Pāsādika** Xấu Sắc – Đẹp Sắc Ugliness - Loveliness 醜陋 (Xú Lậu) – 端正 (Đoan Chánh)	15
	5. **Appesakkha - Mahesakkha** Quyền Thế Nhỏ - Quyền Thế Lớn Little Account – Great Account 無權勢 (vô quyền thế) - 大權威 (đại quyền uy)	19
	6. **Appabhoga – Mahābhoga** Tài Sản Nhỏ - Nhiều Tài Sản Poverty – Wealth 貧窮 (Bần Cùng) – 大財富 (Đại Tài Phú)	22
	7. **Nīcakulīna - Uccākulīna**	25

	Gia Đình Hạ Liệt – Gia Đình Cao Quý Lowly Family - High Family 卑族 (Ti Tộc) - 貴族 (Quý Tộc)	
	8. **Duppañña - Mahāpañña** Trí Tuệ Yếu Kém – Trí Tuệ Đầy Đủ Weak In Wisdom - Great Wisdom 愚鈍（Ngu Độn) - 大慧 (Đại Tuệ)	29
	9. Kết luận - Conclusion	35
B.	**PĀLI + VIỆT**	**40**

A. PĀLI – VIỆT – ENGLISH – CHINESE - HÁN

1. **Uddeso –** Mở đầu - Introduction

P	**289. Evaṃ me sutaṃ –**
V	Như vầy tôi nghe.
E	THUS HAVE I HEARD:
C	如是我聞 [Như thị ngã văn]
P	**ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane, anāthapiṇḍikassa ārāme.**
V	Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).
E	At one time the Lord was staying near Sāvatthī in the Jeta Grove in Anāthapiṇḍika's monastery.
C	一時，世尊住舍衛城祇陀林給孤獨園 [Nhất thời, thế tôn trú xá vệ thành kỳ đà lâm cấp cô độc viên]
P	**Atha kho subho māṇavo todeyyaputto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi.**
V	Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm;
E	Then the brahman youth Subha, Todeyya's son, approached the Lord; having approached, he exchanged greetings with the Lord;
C	其時，都提之子斯波學童詣世尊處。詣已，與世尊問訊，交談. . . 之語 [Kỳ thời, đô đề chi tử tư ba học đồng nghệ thế tôn xứ. Nghệ dĩ, dữ thế tôn vấn tấn, giao đàm… chi ngữ]
P	**Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho subho māṇavo todeyyaputto bhagavantaṃ etadavoca –**
V	sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

E	having conversed in a friendly and courteous way, he sat down at a respectful distance. As he was sitting down at a respectful distance the brahman youth Subha, Todeyya's son, spoke thus to the Lord:
C	交談可喜、可樂之語已，坐於一面。坐於一面之彼都提之子斯波學童，如是白世尊言：[giao đàm khả hỷ, khả lạc chi ngữ dĩ, toạ ư nhất diện. Toạ ư nhất diện chi bỉ đô đề chi tử tư ba học đồng, như thị bạch thế tôn ngôn:]
P	**‘‘Ko nu kho, bho gotama, hetu ko paccayo yena manussānaṃyeva sataṃ manussabhūtānaṃ dissanti hīnappaṇītatā?**
V	- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?
E	"Now, good Gotama, what is the cause, what the reason that lowness and excellence are to be seen among human beings while they are in human form?
C	「尊瞿曇！有何因、何緣，種種人存在之間，有優、劣之性耶？[“tôn cù đàm! Hữu hà nhân, hà duyên, chủng chủng nhân tồn tại chi gian, hữu ưu, liệt chi tính da?]
P	**Dissanti hi, bho gotama, manussā appāyukā, dissanti dīghāyukā;**
V	Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ;
E	For, good Gotama, human beings of short life-span are to be seen and those of long life-span;
C	尊瞿曇！如何有諸短壽人、有長壽 [Tôn cù đàm! Như hà hữu chư đoản thọ nhân, hữu trường thọ]
P	**dissanti bavhābādhā [bahvābādhā (syā. kaṃ. ka.)], dissanti appābādhā;**
V	chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh;
E	those of many and those of few illnesses;
C	有多病、有無病 [hữu đa bệnh, hữu vô bệnh]
P	**dissanti dubbaṇṇā, dissanti vaṇṇavanto;**
V	chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc;

E	those who are ugly, those who are beautiful;
C	有醜陋、有容麗 [hữu xú lậu, hữu dung lệ]
P	**dissanti appesakkhā, dissanti mahesakkhā;**
V	chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn;
E	those who are of little account, those of great account;
C	無權勢、有權勢 [vô quyền thế, hữu quyền thế]
P	**dissanti appabhogā, dissanti mahābhogā;**
V	chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn;
E	those who are poor, those who are wealthy;
C	有貧窮、有財富 [hữu bần cùng, hữu tài phú]
P	**dissanti nīcakulīnā, dissanti uccākulīnā;**
V	chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý;
E	those who are of lowly families, those of high families;
C	有卑族、有貴族 [hữu ti tộc, hữu quý tộc]
P	**dissanti duppaññā, dissanti paññavanto [paññāvanto (sī. pī.)].**
V	chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.
E	those who are weak in wisdom, those who are full of wisdom.
C	有愚鈍、有伶俐(耶？) [hữu ngu độn, hữu linh lợi (da?)]
P	**Ko nu kho, bho gotama, hetu ko paccayo yena manussānaṃyeva sataṃ manussabhūtānaṃ dissanti hīnappaṇītatā''ti?**
V	Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?
E	Now what, good Gotama, is the cause, what the reason that lowness and excellence are to be seen among human beings while they are in human form?"

C	尊瞿曇！有如何因、如何緣，種種人存在之間，有優、劣之性耶？[Tôn cù đàm! Hữu như hà nhân, như hà duyên, chủng chủng nhân tồn tại chi gian, hữu ưu, liệt chi tính da?”]
P	**‘‘Kammassakā, māṇava, sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū [kammayoni kammabandhu (sī.)] kammappaṭisaraṇā.**
V	- Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa,
E	"Deeds are one's own, brahman youth, beings are heirs to deeds, deeds are matrix, deeds are kin, deeds are arbiters.
C	〔世尊曰：〕「學童！種種有情，有各各之業，為業之相續者，有業為胎藏，被縛於業，以業為所依 [(thế tôn viết:) “học đồng! Chủng chủng hữu tình, hữu các các chi nghiệp, vi nghiệp chi tương tục giả, hữu nghiệp vi thai tạng, bị phược ư nghiệp, dĩ nghiệp vi sở y]
P	**Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ –**
V	nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là
E	Deed divides beings, that is to say
C	以業分別種種之有情，即 [Dĩ nghiệp phân biệt chủng chủng chi hữu tình, tức]
P	**hīnappaṇītatāyāti.**
V	có liệt, có ưu.
E	by lowness and excellence."
C	有優、劣之性 [hữu ưu, liệt chi tính]
P	**Na kho ahaṃ imassa bhoto gotamassa saṃkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ ājānāmi.**
V	- Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.
E	"I do not understand the meaning in full of that which was spoken by the good Gotama in brief and the meaning of which was not explained in full.

C	〔學童言：〕「我如是聞尊瞿曇之略說，不詳細分別之義，不知解其詳細之義 [(học đồng ngôn:) "ngã như thị văn tôn cù đàm chi lược thuyết, bất tường tế phân biệt chi nghĩa, bất tri giải kỳ tường tế chi nghĩa]
P	**Sādhu me bhavaṃ gotamo tathā dhammaṃ desetu yathā ahaṃ imassa bhoto gotamassa saṃkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ ājāneyya''nti.**
V	Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.
E	It were well if the good Gotama were so to teach me Dhamma that I should understand the meaning in full of that which was spoken by the good Gotama in brief but the meaning of which was not explained in full."
C	善哉！尊瞿曇為我所說之法，使我詳細解知尊瞿曇如是略說，未詳細分別之義 [Thiện tai! Tôn cù đàm vi ngã sở thuyết chi pháp, sử ngã tường tế giải tri tôn cù đàm như thị lược thuyết, vị tường tế phân biệt chi nghĩa]

2. Appāyuka – Dīghāyuka

Đoản Mạng – Trường Thọ

Shortness of Life-Span - Length of Life-Span

短命 (Đoản Mệnh) - 長命 (Trường Mệnh)

P	**290. ''Tena hi, māṇava, suṇāhi, sādhukaṃ manasi karohi; bhāsissāmī''ti.**
V	- Vậy này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.
E	"Well then, brahman youth, listen, attend carefully and I will speak."
C	〔世尊曰：〕「然者，學童！應諦聽，善作意之，我當說之。」[(thế tôn viết:) "nhiên giả, học đồng! Ưng đế thính, thiện tác ý chi, ngã đương thuyết chi."]
P	**''Evaṃ, bho''ti kho subho māṇavo todeyyaputto bhagavato paccassosi.**
V	- Thưa vâng, Tôn giả. Thanh niên Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn.

E	"Yes, sir," the brahman youth Subha, Todeyya's son, answered the Lord in assent.
C	都提之子斯波學童對世尊言：「如是，尊！」[đô đề chi tử tư ba học đồng đối thế tôn ngôn: "như thị, tôn!"]
P	**Bhagavā etadavoca –**
V	Thế Tôn nói như sau:
E	The Lord spoke thus:
C	世尊乃如是說：[thế tôn nãi như thị thuyết:]
P	**''Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā pāṇātipātī hoti luddo lohitapāṇi hatapahate niviṭṭho adayāpanno pāṇabhūtesu [sabbapāṇabhūtesu (sī. ka.)].**
V	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh.
E	"Brahman youth, here some woman or man is one that makes onslaught on creatures, is cruel, bloody-handed, intent on injuring and killing, and without mercy to living creatures.
C	「學童！茲有一類或女、或男，殺生者而兇惡，手塗血、以殺戮為事，對諸有情無慈心 [học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, sát sanh giả nhi hung ác, thủ đồ huyết, dĩ sát lục vi sự, đối chư hữu tình vô từ tâm]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena [samādiṇṇena (pī. ka.)] kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.

C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appāyuko hoti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of a short life-span.
C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦短命也 [Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc đoản mệnh dã]
P	**Appāyukasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – pāṇātipātī hoti luddo lohitapāṇi hatapahate niviṭṭho adayāpanno pāṇabhūtesu.**
V	Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.
E	This course is conducive to shortness of life-span, brahman youth, that is to say making onslaught on creatures, being cruel, bloody-handed, intent on injuring and killing, and without mercy to living creatures.
C	學童！如是之所行，即殺生者而兇惡、手塗血、以殺戮為事，對諸生物無慈心，以至〔如是〕短命 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức sát sanh giả nhi hung ác, thủ đồ huyết, dĩ sát lục vi sự, đối chư sanh vật vô từ tâm, dĩ chí (như thị) đoản mệnh]

P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā pāṇātipātaṃ pahāya pāṇātipātā paṭivirato hoti nihitadaṇḍo nihitasattho, lajjī dayāpanno sabbapāṇabhūtahitānukampī viharati.**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
E	But, brahman youth, here some woman or man, by getting rid of onslaught on creatures is one who abstains from onslaught on creatures; the stick laid aside, the sword laid aside, he lives scrupulous, merciful, kindly and compassionate to all living creatures.
C	學童！更茲有一類或女、或男、停止殺生、遠離殺生、捨棒、捨刀、知恥、有慈心、憐愍利益一切生物而住 [Học đồng! Canh tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, đình chỉ sát sanh, viễn ly sát sanh, xả bổng, xả đao, tri sỉ, hữu từ tâm, lân mẫn lợi ích nhất thiết sanh vật nhi trú]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati dīghāyuko hoti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of a long life-span.

C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦長命也 [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc trường mệnh dã]
P	**Dīghāyukasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – pāṇātipātaṃ pahāya pāṇātipātā paṭivirato hoti nihitadaṇḍo nihitasattho, lajjī dayāpanno sabbapāṇabhūtahitānukampī viharati.**
V	Con đường ấy đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
E	This course is conducive to length of life-span, brahman youth, that is to say, if one, by getting rid of onslaught on creatures, abstains from onslaught on creatures, (and with) the stick laid aside, the sword laid aside, lives scrupulous, merciful, kindly and compassionate to all living creatures.
C	學童！如是之所行，即停止殺生、遠離殺生、捨棒、捨刀、知恥、有慈心、憐愍利益一切生物而住。以至〔如是〕長命 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức đình chỉ sát sanh, viễn ly sát sanh, xả bổng, xả đao, tri sỉ, hữu từ tâm, lân mẫn lợi ích nhất thiết sanh vật nhi trú. Dĩ chí (như thị) trường mệnh]

3. **Bavhābādha - Appābādha**
   Nhiều Bệnh – Ít Bệnh
   Many Illnesses - Few Illnesses
   多病 (Đa bệnh) – 無病 (Vô bệnh)

P	**291. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā sattānaṃ viheṭhakajātiko hoti, pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā.**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.
E	Brahman youth, here some woman or man is by nature harmful to creatures with his hand or with a clod of earth or with a stick or with a sword.

C	學童！茲有一類或女、或男、或依手、或依棒、或依刀、惱害諸有情 [Học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, hoặc y thủ, hoặc y bổng, hoặc y đao, não hại chư hữu tình]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati bavhābādho hoti. Bavhābādhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – sattānaṃ viheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến nhiều bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he has many illnesses. This course is conducive to many illnesses, brahman youth, that is to say being by nature harmful to creatures with his hand or with a clod of earth or with a stick or with a sword.
C	若身壞命終之後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若生來人位者，再生於何處亦多病也 [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư vô

	hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược sanh lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc đa bệnh dã] 。 學童如是之所行，或依手、或依棒、或依刀惱害諸有情類，即以至〔如是〕多病 [Học đồng như thị chi sở hành, hoặc y thủ, hoặc y bổng, hoặc y đao não hại chư hữu tình loại, tức dĩ chí (như thị) đa bệnh]
P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā sattānaṃ aviheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā.**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.
E	But, brahman youth, here some woman or man is not by nature harmful to creatures with his hand or with a clod of earth or with a stick or with a sword.
C	學童！更茲有一類之或女、或男、或依手、或依棒、或依刀，不惱諸有情 [Học đồng! Canh tư hữu nhất loại chi hoặc nữ, hoặc nam, hoặc y thủ, hoặc y bổng, hoặc y đao, bất não chư hữu tình]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appābādho hoti. Appābādhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – sattānaṃ aviheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy

	được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he has few illnesses. This course is conducive to few illnesses, brahman youth, that is to say, if one, not being by nature harmful to creatures with his hand or with a clod of earth or with a stick or with a sword.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦無病也 [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vô bệnh dã]. 學童！如是之所行，即或依手、或依棒、或依刀，不惱諸有情。以至〔如是〕無病 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức hoặc y thủ, hoặc y bổng, hoặc y đao, bất não chư hữu tình. Dĩ chí (như thị) vô bệnh]

4. **Dubbaṇṇa – Pāsādika**
Xấu Sắc – Đẹp Sắc
Ugliness - Loveliness
醜陋 (Xú Lậu) – 端正 (Đoan Chánh)

P	**292. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā kodhano hoti upāyāsabahulo.**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phẫn nộ, nhiều phật ý,
E	Brahman youth, here some woman or man is wrathful;
C	學童！茲有一類之或女、或男，易忿怒、多愁 [Học đồng! Tư hữu nhất loại chi hoặc nữ, hoặc nam, dị phẫn nộ, đa sầu]
P	**Appampi vutto samāno abhisajjati kuppati byāpajjati patiṭṭhīyati kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.**
V	bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.

E	turbulent on being spoken to even about a trifle, he takes offence, gets angry, disagrees, resists, and evinces anger, hatred and resentment.
C	雖〔由其他〕言些少〔事〕，遂現為憤、怒、瞋恚、剛情、(現)怒氣、瞋恚、不滿 [tuy (do kỳ tha) ngôn ta thiểu (sự), toại hiện vi phẫn, nộ, sân khuể, cương tình, (hiện) nộ khí, sân khuể, bất mãn]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati dubbaṇṇo hoti. Dubbaṇṇasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – kodhano hoti upāyāsabahulo; appampi vutto samāno abhisajjati kuppati byāpajjati patiṭṭhīyati kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải xấu sắc. Con đường ấy đưa đến xấu sắc, này Thanh niên, tức là phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is ugly. This course is conducive to ugliness, brahman youth, that is to say being wrathful; turbulent on being spoken to even about a trifle, taking offence, getting angry, disagreeing, resisting, evincing anger, hatred and resentment.

C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦醜陋也 [Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc xú lậu dã]. 學童！如是之所行，即 易忿怒、多愁、雖〔由其他〕言些少〔事〕，遂現為憤、怒、瞋恚、剛情、(現)怒氣、瞋恚、不滿，以至〔如是〕醜陋 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức dị phẫn nộ, đa sầu, tuy (do kỳ tha) ngôn ta thiểu (sự), toại hiện vi phẫn, nộ, sân khuể, cương tình, (hiện) nộ khí, sân khuể, bất mãn, dĩ chí (như thị) xú lậu].
P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā akkodhano hoti anupāyāsabahulo;**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phẫn nộ, không nhiều phật ý,
E	But, brahman youth, here some woman or man is not wrathful;
C	學童！更茲有一類或女、或男，不忿怒、不多愁 [Học đồng! Canh tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, bất phẫn nộ, bất đa sầu]
P	**bahumpi vutto samāno nābhisajjati na kuppati na byāpajjati na patiṭṭhīyati na kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.**
V	dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.
E	not turbulent on being spoken to even about a large matter, he takes no offence, does not get angry, does not disagree, resist or evince anger, hatred and resentment.
C	雖〔由其他〕言些(很)多〔事〕，不忿、不怒、不瞋恚、不剛情、不現怒氣、瞋恚、不滿 [tuy (do kỳ tha) ngôn ta (khấn) đa (sự), bất phẫn, bất nộ, bất sân khuể, bất cương tình, bất hiện nộ khí, sân khuể, bất mãn]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.

E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati pāsādiko hoti. Pāsādikasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – akkodhano hoti anupāyāsabahulo; bahumpi vutto samāno nābhisajjati na kuppati na byāpajjati na patiṭṭhīyati na kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được đẹp sắc (pasadika: hoan hỷ). Con đường ấy đưa đến đẹp sắc, này Thanh niên, tức là không phẫn nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is lovely. This course is conducive to loveliness, brahman youth, that is to say not being wrathful; not being turbulent on being spoken to even about a large matter, he taking no offence, not getting angry, not disagreeing, resisting or evincing anger, hatred and resentment.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦端正也 [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc đoan chánh dã] 。學童！如是之所行，即不忿怒、不多愁、雖〔由其他〕言些(很)多〔事〕, 不忿, 不怒, 不瞋恚, 不剛情, 不現怒氣, 瞋恚, 不滿。以至〔如是〕端正 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức bất phẫn nộ, bất đa sầu, tuy (do kỳ tha) ngôn ta (khấn) đa (sự), bất phẫn, bất nộ, bất sân khuể, bất cương tình, bất hiện nộ khí, sân khuể, bất mãn. Dĩ chí (như thị) đoan chánh]

5. **Appesakkha - Mahesakkha**
Quyền Thế Nhỏ - Quyền Thế Lớn
Little Account – Great Account
無權勢 (Vô Quyền Thế) - 大權威 (Đại Quyền Uy)

P	**293. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā issāmanako hoti;**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tật đố,
E	Brahman youth, here some woman or man is jealous-minded;
C	學童！茲有一類或女、或男，有嫉妒心 [Học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, hữu tật cấu tâm]
P	**paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu issati upadussati issaṃ bandhati.**
V	đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố.
E	he is jealous, revengeful and harbours jealousy on account of others' gains, honour, fame and the marks of respect and reverence paid to them.
C	對他〔人所得〕之利得、恭敬、尊重、尊敬、禮拜、供養，懷嫉之惡意以結妒心 [đối tha (nhân sở đắc) chi lợi đắc, cung kính, tôn trọng, tôn kính, lễ bái, cúng dường, hoài tật chi ác ý dĩ kết cấu tâm]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati**

	appesakkho hoti. Appesakkhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – issāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu issati upadussati issaṃ bandhati.
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải quyền thế nhỏ. Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ, này Thanh niên, tức là tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of little account. This course is conducive to being of little account, brahman youth, that is to say being jealous-minded; jealous, revengeful harbouring jealousy on account of others' gains, honour, fame and the marks of respect and reverence paid to them.
C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦成為無權勢者 [Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc thành vi vô quyền thế giả] 。學童！如是之所行，即有嫉妒心，對他〔人所得〕之利得、恭敬、尊重、尊敬、禮拜、供養，懷嫉之惡意以結妒心 ，以至〔如是〕無權勢 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức hữu tật cấu tâm, đối tha (nhân sở đắc) chi lợi đắc, cung kính, tôn trọng, tôn kính, lễ bái, cúng dường, hoài tật chi ác ý dĩ kết cấu tâm, dĩ chí (như thị) vô quyền thế]
P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā anissāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu na issati na upadussati na issaṃ bandhati.**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đố.
E	But, brahman youth, here some woman or man is not jealous-minded; he is not jealous or revengeful nor does he harbour jealousy on account of

	others' gains, honour, fame and the marks of respect and reverence paid to them.
C	學童！更茲有一類或女、或男，無嫉妒心，對他〔人之所得〕之利得、恭敬、尊重、尊敬、禮拜、供養，不嫉、不懷惡意、無結妒心 [Học đồng! Canh tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, vô tật cấu tâm, đối tha (nhân chi sở đắc) chi lợi đắc, cung kính, tôn trọng, tôn kính, lễ bái, cúng dường, bất tật, bất hoài ác ý, vô kết cấu tâm]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahesakkho hoti. Mahesakkhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – anissāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu na issati na upadussati na issaṃ bandhati.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được quyền thế lớn. Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn, này Thanh niên, tức là không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đố.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of great account. This course is conducive to being of great account, brahman youth, that is to say not being jealous-minded; not being jealous or revengeful nor harbouring jealousy on

	account of others' gains, honour, fame and the marks of respect and reverence paid to them.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦成為權威者 [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc thành vi quyền uy giả] 。學童！如是之所行，即無嫉妒心，對他〔人之所得〕之利得、恭敬、尊重、尊敬、禮拜、供養，不嫉、不懷惡意、無結妒心。以至〔如是〕大權威[Học đồng! Như thị chi sở hành, tức vô tật cấu tâm, đối tha (nhân chi sở đắc) chi lợi đắc, cung kính, tôn trọng, tôn kính, lễ bái, cúng dường, bất tật, bất hoài ác ý, vô kết cấu tâm. Dĩ chí (như thị) đại quyền uy]

6. Appabhoga – Mahābhoga

Tài Sản Nhỏ - Nhiều Tài Sản

Poverty – Wealth

貧窮 (Bần Cùng) – 大財富 (Đại Tài Phú)

P	**294. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā na dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ.**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.
E	Brahman youth, here some woman or man is not a giver to recluse or brahman of drink, food, clothing, vehicle, garlands, scents, unguents, bed, lodging, light.
C	學童！茲有一類或女、或男，對沙門、婆羅門不施與飲食、衣服、車乘、華鬘、香料、塗油、臥具、住宅、登具者 [Học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, đối sa môn, bà la môn bất thí dữ ẩm thực, y phục, xa thừa, hoa man, hương liệu, đồ du, ngoạ cụ, trú trạch, đăng cụ giả]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**

V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appabhogo hoti. Appabhogasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – na dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải tài sản nhỏ. Con đường ấy đưa đến tài sản nhỏ, này Thanh niên, tức là không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is poor. This course is conducive to poverty, brahman youth, that is to say not being a giver to recluse or brahman of drink, food, clothing, vehicle, garlands, scents, unguents, bed, lodging, light.
C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦為貧窮者[Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi bần cùng giả] 。學童！如是之所行，即對沙門、婆羅門不施與飲食、衣服、車乘、華鬘、香料、塗油、臥具、住宅、登具者，以至〔如是〕貧窮 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức đối sa môn, bà la môn bất thí dữ ẩm thực, y phục, xa thừa, hoa man, hương liệu, đồ du, ngoạ cụ, trú trạch, đăng cụ giả, dĩ chí (như thị) bần cùng]

P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ.**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.
E	But, brahman youth, here some woman or man is a giver to recluse or brahman of drink, food, clothing, vehicle, garlands, scents, unguents, bed, lodging, light.
C	學童！更有一類或女、或男，對沙門、婆羅門施與飲食, 衣服、車乘、華鬘、香料、塗油、臥具、住宅、登具者 [Học đồng! Canh hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, đối sa môn, bà la môn thí dữ ẩm thực, y phục, xa thừa, hoa man, hương liệu, đồ du, ngoạ cụ, trú trạch, đăng cụ giả]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahābhogo hoti. Mahābhogasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được nhiều tài sản. Con đường ấy đưa đến nhiều tài sản, này Thanh niên, tức là có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is wealthy. This course is conducive to wealth, brahman youth, that is to say being a giver to recluse or brahman of drink, food, clothing, vehicle, garlands, scents, unguents, bed, lodging, light.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦為大財富者[Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi đại tài phú giả] 。學童！如是之所行，即對沙門、婆羅門施與飲食, 衣服、車乘、華鬘、香料、塗油、臥具、住宅、登具者。以至〔如是〕大財富 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức đối sa môn, bà la môn thí dữ ẩm thực, y phục, xa thừa, hoa man, hương liệu, đồ du, ngoạ cụ, trú trạch, đăng cụ giả. Dĩ chí (như thị) đại tài phú]

7. **Nīcakulīna - Uccākulīna**
   Gia Đình Hạ Liệt – Gia Đình Cao Quý
   Lowly Family - High Family
   卑族 (Ti Tộc) - 貴族 (Quý Tộc)

P	**295. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā thaddho hoti atimānī –**
V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghễ, kiêu mạn,
E	Brahman youth, here some woman or man is callous and proud;
C	學童！茲有一類或女、或男，傲慢而過慢 [Học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, ngạo mạn nhi quá mạn]
P	**abhivādetabbaṃ na abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ na paccuṭṭheti, āsanārahassa na āsanaṃ deti, maggārahassa na maggaṃ deti, sakkātabbaṃ na sakkaroti, garukātabbaṃ na garukaroti, mānetabbaṃ na māneti, pūjetabbaṃ na pūjeti.**
V	không đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng

	tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường.
E	he does not greet one who should be greeted, does not stand up for one who should be stood up for, he does not give a seat to one meriting a seat, he does not make room for one meriting room, he does not respect, revere, reverence, honour one who should be respected, revered, reverenced, honoured.
C	應禮人而不禮，應起迎而不起迎，應讓座而不讓座，應讓路而不讓路，應尊敬而不尊敬，應尊重而不尊重，應供敬而不恭敬，應供養而不供養 [ưng lễ nhân nhi bất lễ, ưng khởi nghinh nhi bất khởi nghinh, ưng nhượng toạ nhi bất nhượng toạ, ưng nhượng lộ nhi bất nhượng lộ, ưng tôn kính nhi bất tôn kính, ưng tôn trọng nhi bất tôn trọng, ưng cung kính nhi bất cung kính, ưng cúng dường nhi bất cúng dường]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati nīcakulīno hoti. Nīcakulīnasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – thaddho hoti atimānī; abhivādetabbaṃ na abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ na paccuṭṭheti, āsanārahassa na āsanaṃ deti, maggārahassa na maggaṃ deti, sakkātabbaṃ na sakkaroti, garukātabbaṃ na garukaroti, mānetabbaṃ na māneti, pūjetabbaṃ na pūjeti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy

	phải thuộc gia đình hạ liệt. Con đường ấy đưa đến gia đình hạ liệt, này Thanh niên, tức là ngạo nghễ, kiêu mạn, không đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of a lowly family. This course is conducive to being in a lowly family, brahman youth, that is to say being one who is callous and proud; he does not greet one who should be greeted, does not stand up for one who should be stood up for, he does not give a seat to one meriting a seat, he does not make room for one meriting room, he does not respect, revere, reverence, honour one who should be respected, revered, reverenced, honoured.
C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦為卑族 [Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi ti tộc] 。 學童！如是之所行，即傲慢而過慢，應禮人而不禮，應起迎而不起迎，應讓座而不讓座，應讓路而不讓路，應尊敬而不尊敬，應尊重而不尊重，應供敬而不恭敬，應供養而不供養，以至〔如是〕於卑族 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức ngạo mạn nhi quá mạn, ưng lễ nhân nhi bất lễ, ưng khởi nghinh nhi bất khởi nghinh, ưng nhượng toạ nhi bất nhượng toạ, ưng nhượng lộ nhi bất nhượng lộ, ưng tôn kính nhi bất tôn kính, ưng tôn trọng nhi bất tôn trọng, ưng cung kính nhi bất cung kính, ưng cúng dường nhi bất cúng dường, dĩ chí (như thị) ư ti tộc]
P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā atthaddho hoti anatimānī; abhivādetabbaṃ abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ paccuṭṭheti, āsanārahassa āsanaṃ deti, maggārahassa maggaṃ deti, sakkātabbaṃ sakkaroti, garukātabbaṃ garukaroti, mānetabbaṃ māneti, pūjetabbaṃ pūjeti.**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có ngạo nghễ quá mạn, đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, mời ngồi những người đáng mời ngồi, nhường chỗ đi cho những

	người đáng được nhường chỗ đi, tôn trọng những người đáng tôn trọng, cung kính những người đáng cung kính, cúng dường những người đáng cúng dường.
E	But, brahman youth, here some woman or man is not callous or proud; he greets one who should be greeted, stands up for one who should be stood up for, he gives a seat to one meriting a seat, he makes room for one meriting room, he respects, reveres, reverences, honours one who should be revered, reverenced, honoured.
C	學童！更有一類或女、或男，不傲慢而不過慢，應禮者而禮， 應起迎而起迎，應讓座而讓座，應讓路而讓路，應尊敬而尊敬，應尊重而尊重，應供敬而恭敬, 應供養者而供養 [Học đồng! Canh hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, bất ngạo mạn nhi bất quá mạn, ưng lễ giả nhi lễ, ưng khởi nghinh nhi khởi nghinh, ưng nhượng toạ nhi nhượng toạ, ưng nhượng lộ nhi nhượng lộ, ưng tôn kính nhi tôn kính, ưng tôn trọng nhi tôn trọng, ưng cung kính nhi cung kính, ưng cúng dường giả nhi cúng dường]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati uccākulīno hoti. Uccākulīnasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – atthaddho hoti anatimānī; abhivādetabbaṃ abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ paccuṭṭheti, āsanārahassa āsanaṃ deti, maggārahassa maggaṃ deti, sakkātabbaṃ sakkaroti, garukātabbaṃ garukaroti, mānetabbaṃ māneti, pūjetabbaṃ pūjeti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy

	được vào gia đình cao quý. Con đường ấy đưa đến gia đình cao quý, này Thanh niên, tức là không có ngạo nghễ quá mạn, đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, mời ngồi những người đáng mời ngồi, nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, tôn trọng những người đáng tôn trọng, cung kính những người đáng cung kính, cúng dường những người đáng cúng dường.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) it is in a high family. This course is conducive to being in a high family, brahman youth, that is to say being one who is not callous or proud; one who greets one who should be greeted, stands up for one who should be stood up for, one who gives a seat to one meriting a seat, one who makes room for one meriting room, one who respects, reveres, reverences, honours one who should be revered, reverenced, honoured.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦為貴族[Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi quý tộc] 。學童！如是之所行，即不傲慢而不過慢，應禮者而禮， 應起迎而起迎，應讓座而讓座，應讓路而讓路，應尊敬而尊敬，應尊重而尊重，應供敬而恭敬, 應供養者而供養。以至〔如是〕於貴族 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức bất ngạo mạn nhi bất quá mạn, ưng lễ giả nhi lễ, ưng khởi nghinh nhi khởi nghinh, ưng nhượng toạ nhi nhượng toạ, ưng nhượng lộ nhi nhượng lộ, ưng tôn kính nhi tôn kính, ưng tôn trọng nhi tôn trọng, ưng cung kính nhi cung kính, ưng cúng dường giả nhi cúng dường. Dĩ chí (như thị) ư quý tộc]

8. Duppañña - Mahāpañña

Trí Tuệ Yếu Kém – Trí Tuệ Đầy Đủ
Weak In Wisdom - Great Wisdom
愚鈍（Ngu Độn) - 大慧 (Đại Tuệ)

P	**296. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā na paripucchitā hoti –**

V	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi:
E	Brahman youth, here some woman or a man, having approached a recluse or a brahman, is not one that asks:
C	學童！茲有一類或女、或男，親近沙門、婆羅門已而不尋問：[Học đồng! Tư hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, thân cận sa môn, bà la môn dĩ nhi bất tầm vấn:]
P	**‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ;**
V	"Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện?
E	'What, revered sir, is skill? What is unskill?
C	『尊者！如何是善？如何是不善？[“ tôn giả! Như hà thị thiện? Như hà thị bất thiện?]
P	**kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ;**
V	Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội?
E	What is blameable? What un-blameable?
C	如何是有罪？如何是無罪？[Như hà thị hữu tội? Như hà thị vô tội?]
P	**kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ;**
V	Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành?
E	What should be practised? What not practised?
C	如何是應修習？如何是不應修習？[Như hà thị ưng tu tập? Như hà thị bất ưng tu tập?]
P	**kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī’ti?**
V	Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?
E	What, being done by me, is for long for my woe and anguish? Or what, being done by me, is for long for my welfare and happiness?

C	我長時行不利益、如何是苦？或長時行利益，如何是安樂？』[Ngã trường thời hành bất lợi ích, như hà thị khổ? Hoặc trường thời hành lợi ích, như hà thị an lạc?"]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, he, at the breaking up of the body after dying arises in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell.
C	彼如是成就，如是由正持彼業，身壞命終之後，生於無幸處、惡趣、險難處、地獄 [Bỉ như thị thành tựu, như thị do chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục]
P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati duppañño hoti. Duppaññasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā na paripucchitā hoti – 'kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī'''ti?**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải trí tuệ yếu kém. Con đường ấy đưa đến trí tuệ yếu kém, này Thanh niên, tức là sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in the sorrowful ways, the bad bourn, the Downfall, Niraya Hell, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is weak in wisdom. This course is conducive to being weak in wisdom, brahman youth,

	that is to say having approached a recluse or a brahman, being one that that does not ask: 'What, revered sir, is skill? What is unskill? What is blameable? What un-blameable? What should be practised? What not practised? What, being done by me, is for long for my woe and anguish? Or what, being done by me, is for long for my welfare and happiness?
C	若身壞命終後，不生於無幸處、惡趣、險難處、地獄，若來人位者，再生於何處亦 為愚鈍(者) [Nhược thân hoại mệnh chung hậu, bất sanh ư vô hạnh xứ, ác thú, hiểm nan xứ, địa ngục, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi ngu độn (giả)] 。 學童！如是之所行，即親近沙門、婆羅門已而不尋問：『尊者！如何是善？如何是不善？如何是有罪？如何是無罪？如何是應修習？如何是不應修習？我長時行不利益、如何是苦？或長時行利益，如何是安樂？』，以至〔如是〕愚鈍 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức thân cận sa môn, bà la môn dĩ nhi bất tầm vấn:“ tôn giả! Như hà thị thiện? Như hà thị bất thiện? Như hà thị hữu tội? Như hà thị vô tội? Như hà thị ưng tu tập? Như hà thị bất ưng tu tập? Ngã trường thời hành bất lợi ích, như hà thị khổ? Hoặc trường thời hành lợi ích, như hà thị an lạc?”, dĩ chí (như thị) ngu độn]
P	**‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā paripucchitā hoti –**
V	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, có hỏi:
E	But, brahman youth, here some woman or man, having approached a recluse or brahman, is one that asks:
C	學童！更有一類或女、或男，親近沙門、婆羅門已，尋問：[Học đồng! Canh hữu nhất loại hoặc nữ, hoặc nam, thân cận sa môn, bà la môn dĩ, tầm vấn:]
P	**‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ;**
V	"Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện?
E	'What, revered sir, is skill? What is unskill?
C	『尊者！如何是善？如何是不善？[“ tôn giả! Như hà thị thiện? Như hà thị bất thiện?]

P	**kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ;**
V	Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội?
E	What is blameable? What un-blameable?
C	如何是有罪？如何是無罪？[Như hà thị hữu tội? Như hà thị vô tội?]
P	**kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ;**
V	Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành?
E	What should be practised? What not practised?
C	如何是應修習？如何是不應修習？[Như hà thị ưng tu tập? Như hà thị bất ưng tu tập?]
P	**kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī'ti?**
V	Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?
E	What, being done by me, is for long for my woe and anguish? Or what, being done by me, is for long for my welfare and happiness?
C	我長時行不利益、如何是苦？或長時行利益，如何是安樂？』[Ngã trường thời hành bất lợi ích, như hà thị khổ? Hoặc trường thời hành lợi ích, như hà thị an lạc?"]
P	**So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati.**
V	Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.
E	Because of that deed, accomplished thus, firmly held thus, at the breaking up of the body after dying he arises in a good bourn, a heaven world.
C	彼如是成就，由如是正持彼業，身壞命終之後，生於善趣天界 [Bỉ như thị thành tựu, do như thị chánh trì bỉ nghiệp, thân hoại mệnh chung chi hậu, sanh ư thiện thú thiên giới]

P	**No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahāpañño hoti.**
V	Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được đầy đủ trí tuệ.
E	But if, at the breaking up of the body after dying he does not arise in a good bourn, a heaven world, but comes to human status, then wherever he is born (in a new existence) he is of great wisdom.
C	若身壞命終之後，不生於善趣、天界，若來人位者，再生於何處亦為大慧(者) [Nhược thân hoại mệnh chung chi hậu, bất sanh ư thiện thú, thiên giới, nhược lai nhân vị giả, tái sanh ư hà xứ diệc vi đại tuệ (giả)]
P	**Mahāpaññasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā paripucchitā hoti – 'kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī'''ti?**
V	Con đường ấy đưa đến đầy đủ trí tuệ, này Thanh niên, tức là sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, có hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?
E	This course is conducive to great wisdom, brahman youth, that is to say, having approached a recluse or brahman, being one that asks: 'What, revered sir, is skill? What is unskill? What is blameable? What un-blameable? What should be practised? What not practised? What, being done by me, is for long for my woe and anguish? Or what, being done by me, is for long for my welfare and happiness?
C	學童！如是之所行，即親近沙門、婆羅門已而尋問：『尊者！如何是善？如何是不善？如何是有罪？如何是無罪？如何是應修習？如何是不應修習？我長時行不利益、如何是苦？或長時行利益，如何是安樂？』。以至〔如是〕於大慧 [Học đồng! Như thị chi sở hành, tức thân cận sa môn, bà la môn dĩ nhi tầm vấn:" tôn giả! Như hà thị thiện? Như hà thị bất thiện? Như

	hà thị hữu tội? Như hà thị vô tội? Như hà thị ưng tu tập? Như hà thị bất ưng tu tập? Ngã trường thời hành bất lợi ích, như hà thị khổ? Hoặc trường thời hành lợi ích, như hà thị an lạc?". Dĩ chí (như thị) ư đại tuệ]

9. Kết luận - Conclusion

P	**297. ‘‘Iti kho, māṇava, appāyukasaṃvattanikā paṭipadā appāyukattaṃ upaneti, dīghāyukasaṃvattanikā paṭipadā dīghāyukattaṃ upaneti;**
V	Ở đây, này Thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ, con đường đưa đến trường thọ,
E	So, brahman youth, the course conducive to a short life-span leads to shortness of life-span; the course conducive to a long lifespan leads to length of life-span;
C	學童！如是至所行於短壽者，以持短壽；至所行於長壽者，以持長壽 [Học đồng! Như thị chí sở hành ư đoản thọ giả, dĩ trì đoản thọ; chí sở hành ư trường thọ giả, dĩ trì trường thọ]
P	**bavhābādhasaṃvattanikā paṭipadā bavhābādhattaṃ upaneti, appābādhasaṃvattanikā paṭipadā appābādhattaṃ upaneti;**
V	con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh; con đường đưa đến ít bệnh, dẫn đến ít bệnh;
E	the course conducive to many illnesses leads to having many illnesses; the course conducive to few illnesses leads to having few illnesses;
C	至所行於多病者，以持多病；至所行於無病者，以持無病 [chí sở hành ư đa bệnh giả, dĩ trì đa bệnh; chí sở hành ư vô bệnh giả, dĩ trì vô bệnh]
P	**dubbaṇṇasaṃvattanikā paṭipadā dubbaṇṇattaṃ upaneti, pāsādikasaṃvattanikā paṭipadā pāsādikattaṃ upaneti;**
V	con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc; con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc;
E	the course conducive to being ugly leads to ugliness; the course conducive to being lovely leads to loveliness;

C	至所行於醜陋者，以持醜陋；至所行於端正者，以持端正 [chí sở hành ư xú lậu giả, dĩ trì xú lậu; chí sở hành ư đoan chánh giả, dĩ trì đoan chánh]
P	**appesakkhasaṃvattanikā paṭipadā appesakkhattaṃ upaneti, mahesakkhasaṃvattanikā paṭipadā mahesakkhattaṃ upaneti;**
V	con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ; con đường đưa đến quyền thế lớn dẫn đến quyền thế lớn;
E	the course conducive to being of small account leads to smallness of account; the course conducive to being of great account leads to greatness of account;
C	至所行於無權勢者，以持無權勢；至所行於權勢者，以持權勢 [chí sở hành ư vô quyền thế giả, dĩ trì vô quyền thế; chí sở hành ư quyền thế giả, dĩ trì quyền thế]
P	**appabhogasaṃvattanikā paṭipadā appabhogattaṃ upaneti, mahābhogasaṃvattanikā paṭipadā mahābhogattaṃ upaneti;**
V	con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ; con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn;
E	the course conducive to being poor, leads to poverty; the course conducive to being wealthy leads to wealth;
C	至所行於貧窮者，以持貧窮，至所行於大富者，以持大富 [chí sở hành ư bần cùng giả, dĩ trì bần cùng, chí sở hành ư đại phú giả, dĩ trì đại phú]
P	**nīcakulīnasaṃvattanikā paṭipadā nīcakulīnattaṃ upaneti, uccākulīnasaṃvattanikā paṭipadā uccākulīnattaṃ upaneti;**
V	con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt; con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý,
E	the course conducive to being of lowly family leads to being in a lowly family; the course conducive to being of high family leads to being in a high family;
C	至所行於卑族者，以持卑族；至所行於貴族者、以持貴族 [chí sở hành ư ti tộc giả, dĩ trì ti tộc; chí sở hành ư quý tộc giả, dĩ trì quý tộc]

P	**duppaññasaṃvattanikā paṭipadā duppaññattaṃ upaneti, mahāpaññasaṃvattanikā paṭipadā mahāpaññattaṃ upaneti.**
V	con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém; con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến trí tuệ đầy đủ.
E	the course conducive to being weak in wisdom leads to weakness of wisdom; the course conducive to being of great wisdom leads to greatness in wisdom.
C	至所行於愚鈍者，以持愚鈍；至所行於大慧者，以持大慧 [chí sở hành ư ngu độn giả, dĩ trì ngu độn; chí sở hành ư đại tuệ giả, dĩ trì đại tuệ]
P	**Kammassakā, māṇava, sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammappaṭisaraṇā.**
V	Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa,
E	Deeds are one's own, brahman youth, beings are heirs to deeds, deeds are the matrix, deeds the kin, deeds the arbiters.
C	學童！諸有情各有業，是業之相續者。業為胎藏而有，被縛於業，以業為所依 [Học đồng! Chư hữu tình các hữu nghiệp, thị nghiệp chi tương tục giả. Nghiệp vi thai tạng nhi hữu, bị phược ư nghiệp, dĩ nghiệp vi sở y]
P	**Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ –**
V	nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là
E	Deed divides beings, that is to say
C	業以分諸有情，即 [Nghiệp dĩ phân chư hữu tình, tức]
P	**hīnappaṇītatāyā''ti.**
V	có liệt, có ưu.
E	by lowness and excellence."
C	有優劣之性 [hữu ưu liệt chi tính]
P	**Evaṃ vutte, subho māṇavo todeyyaputto bhagavantaṃ etadavoca –**

V	Khi nghe nói vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn:
E	When this had been said, the brahman youth Subha, Todeyya's son, spoke thus to the Lord:
C	如是說已，都提之子斯波學童，如是白世尊曰：[Như thị thuyết dĩ, đô đề chi tử tư ba học đồng, như thị bạch thế tôn viết:]
P	**‘‘abhikkantaṃ, bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotama!**
V	- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!
E	"It is excellent, good Gotama, excellent, good Gotama.
C	妙哉！尊瞿曇！妙哉！尊瞿曇！[“diệu tai! Tôn cù đàm! Diệu tai! Tôn cù đàm!]
P	**Seyyathāpi, bho gotama, nikkujjitaṃ vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūḷhassa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya – ‘cakkhumanto rūpāni dakkhantī’ti; evamevaṃ bhotā gotamena anekapariyāyena dhammo pakāsito.**
V	Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.
E	It is as if, good Gotama, one might set upright what had been upset, or might disclose what was covered, or point out the way to one who had gone astray, or might bring an oil-lamp into the darkness so that those with vision might see material shapes - even so is Dhamma made clear in many a figure by the good Gotama.
C	尊瞿曇！恰如倒者使起，如覆蓋者使露現，如迷者教以道，如闇中持來油燈，使有眼者見諸色。恰如是，由尊瞿曇，以種種異門宣說法 [Tôn cù đàm! Kháp như đảo giả sử khởi, như phúc cái giả sử lộ hiện, như mê giả giáo dĩ đạo, như ám trung trì lai du đăng, sử hữu nhãn giả kiến chư sắc. Kháp như thị, do tôn cù đàm, dĩ chủng chủng dị môn tuyên thuyết pháp]

P	**Esāhaṃ bhavantaṃ gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammañca bhikkhusaṅghañca.**
V	Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng.
E	I am going to the revered Gotama for refuge, and to Dhamma and to the Order of monks.
C	使我歸依尊瞿曇。〔歸依〕法及比丘眾 [sử ngã quy y tôn cù đàm. (quy y) pháp cập tỷ khâu chúng]
P	**Upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata''nti.**
V	Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.
E	May the revered Gotama accept me as a lay-follower, one gone for refuge from today forth for as long as life lasts."
C	尊瞿曇受納我從今日以後，以至命終歸依為優婆塞 [Tôn cù đàm thâu nạp ngã tòng kim nhật dĩ hậu, dĩ chí mệnh chung quy y vi ưu bà tắc]
P	**Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ niṭṭhitaṃ pañcamaṃ.**

B. PĀLI + VIỆT

MN135. **Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ** [subhasuttantipi vuccati]	**135. Kinh** **Tiểu phân biệt nghiệp**
Uddeso	Mở đầu
289. Evaṃ me sutaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane, anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho subho māṇavo todeyyaputto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho subho māṇavo todeyyaputto bhagavantaṃ etadavoca – ‘‘Ko nu kho, bho gotama, hetu ko paccayo yena manussānaṃyeva sataṃ manussabhūtānaṃ dissanti hīnappaṇītatā? Dissanti hi, bho gotama, manussā appāyukā, dissanti dīghāyukā; dissanti bavhābādhā [bahvābādhā (syā. kaṃ. ka.)], dissanti appābādhā; dissanti dubbaṇṇā, dissanti vaṇṇavanto; dissanti appesakkhā, dissanti mahesakkhā; dissanti appabhogā, dissanti mahābhogā; dissanti nīcakulīnā, dissanti uccākulīnā; dissanti duppaññā, dissanti paññavanto [paññāvanto (sī. pī.)]. Ko nu kho, bho gotama, hetu ko paccayo yena manussānaṃyeva sataṃ manussabhūtānaṃ dissanti hīnappaṇītatā’’ti?	Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn: - Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu? Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

‘‘Kammassakā, māṇava, sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū [kammayoni kammabandhu (sī.)] kammappaṭisaraṇā. Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ – hīnappaṇītatāyāti. “Na kho ahaṃ imassa bhoto gotamassa saṃkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ ājānāmi. Sādhu me bhavaṃ gotamo tathā dhammaṃ desetu yathā ahaṃ imassa bhoto gotamassa saṃkhittena bhāsitassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ ājāneyya’’nti.	Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu? - Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu. - Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.
Appāyuka – Dīghāyuka	Đoản Mạng – Trường Thọ
290. ‘‘Tena hi, māṇava, suṇāhi, sādhukaṃ manasi karohi; bhāsissāmī’’ti. ‘‘Evaṃ, bho’’ti kho subho māṇavo todeyyaputto bhagavato paccassosi. Bhagavā etadavoca – ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā pāṇātipātī hoti luddo lohitapāṇi hatapahate niviṭṭho adayāpanno pāṇabhūtesu [sabbapāṇabhūtesu (sī. ka.)]. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena [samādiṇṇena (pī. ka.)] kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati	- Vậy này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. - Thưa vâng, Tôn giả. Thanh niên Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: - Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh

appāyuko hoti. Appāyukasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – pāṇātipātī hoti luddo lohitapāṇi hatapahate niviṭṭho adayāpanno pāṇabhūtesu.	ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.
‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā pāṇātipātaṃ pahāya pāṇātipātā paṭivirato hoti nihitadaṇḍo nihitasattho, lajjī dayāpanno sabbapāṇabhūtahitānukampī viharati. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati dīghāyuko hoti. Dīghāyukasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – pāṇātipātaṃ pahāya pāṇātipātā paṭivirato hoti nihitadaṇḍo nihitasattho, lajjī dayāpanno sabbapāṇabhūtahitānukampī viharati.	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ. Con đường ấy đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
Bavhābādha - Appābādha	Nhiều Bệnh – Ít Bệnh
291. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā sattānaṃ viheṭhakajātiko hoti, pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati bavhābādho hoti.	Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh

Bavhābādhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – sattānaṃ viheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā. ‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā sattānaṃ aviheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appābādho hoti. Appābādhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – sattānaṃ aviheṭhakajātiko hoti pāṇinā vā leḍḍunā vā daṇḍena vā satthena vā.	ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến nhiều bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.
Dubbaṇṇa – Pāsādika	Xấu Sắc – Đẹp Sắc
292. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā kodhano hoti upāyāsabahulo. Appampi vutto samāno abhisajjati kuppati byāpajjati patiṭṭhīyati kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati dubbaṇṇo hoti.	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị xấu sắc. Con đường ấy đưa đến xấu sắc, này

Dubbaṇṇasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – kodhano hoti upāyāsabahulo; appampi vutto samāno abhisajjati kuppati byāpajjati patiṭṭhīyati kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti. ‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā akkodhano hoti anupāyāsabahulo; bahumpi vutto samāno nābhisajjati na kuppati na byāpajjati na patiṭṭhīyati na kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati pāsādiko hoti. Pāsādikasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – akkodhano hoti anupāyāsabahulo; bahumpi vutto samāno nābhisajjati na kuppati na byāpajjati na patiṭṭhīyati na kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.	Thanh niên, tức là phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, không phẫn nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được đẹp sắc (pasadika: hoan hỷ). Con đường ấy đưa đến đẹp sắc, này Thanh niên, tức là không phẫn nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.
Appesakkha - Mahesakkha	Quyền Thế Nhỏ - Quyền Thế Lớn
293. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā issāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu issati upadussati issaṃ bandhati. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào

vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appesakkho hoti. Appesakkhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – issāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu issati upadussati issaṃ bandhati. ‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā anissāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu na issati na upadussati na issaṃ bandhati. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahesakkho hoti. Mahesakkhasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – anissāmanako hoti; paralābhasakkāragaru kāramānanavandanapūjanāsu na issati na upadussati na issaṃ bandhati.	cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị quyền thế nhỏ. Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ, này Thanh niên, tức là tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố. Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được quyền thế lớn. Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn, này Thanh niên, tức là không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, không sanh tâm, không ôm ấp tâm tật đố.
Appabhoga – Mahābhoga	Tài Sản Nhỏ - Nhiều Tài Sản
294. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā na dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy,

samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati appabhogo hoti. Appabhogasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – na dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ. ‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahābhogo hoti. Mahābhogasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – dātā hoti samaṇassa vā brāhmaṇassa vā annaṃ pānaṃ vatthaṃ yānaṃ mālāgandhavilepanaṃ seyyāvasathapadīpeyyaṃ.	sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị tài sản nhỏ. Con đường ấy đưa đến tài sản nhỏ, này Thanh niên, tức là không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được nhiều tài sản. Con đường ấy đưa đến nhiều tài sản, này Thanh niên, tức là có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.
Nīcakulīna - Uccākulīna	Gia Đình Hạ Liệt – Gia Đình Cao Quý
295. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā thaddho hoti atimānī – abhivādetabbaṃ na abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ na paccuṭṭheti,	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, ngạo nghễ, kiêu mạn, không đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng

āsanārahassa na āsanaṃ deti, maggārahassa na maggaṃ deti, sakkātabbaṃ na sakkaroti, garukātabbaṃ na garukaroti, mānetabbaṃ na māneti, pūjetabbaṃ na pūjeti. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati nīcakulīno hoti. Nīcakulīnasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – thaddho hoti atimānī; abhivādetabbaṃ na abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ na paccuṭṭheti, āsanārahassa na āsanaṃ deti, maggārahassa na maggaṃ deti, sakkātabbaṃ na sakkaroti, garukātabbaṃ na garukaroti, mānetabbaṃ na māneti, pūjetabbaṃ na pūjeti.

‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā atthaddho hoti anatimānī; abhivādetabbaṃ abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ paccuṭṭheti, āsanārahassa āsanaṃ deti, maggārahassa maggaṃ deti, sakkātabbaṃ sakkaroti, garukātabbaṃ garukaroti, mānetabbaṃ māneti, pūjetabbaṃ pūjeti. So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati

dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải thuộc gia đình hạ liệt. Con đường ấy đưa đến gia đình hạ liệt, này Thanh niên, tức là ngạo nghễ, kiêu mạn, không đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, không có ngạo nghễ quá mạn, đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, mời ngồi những người đáng mời ngồi, nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, tôn trọng những người đáng tôn trọng, cung kính những người đáng cung kính, cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành

yattha yattha paccājāyati uccākulīno hoti. Uccākulīnasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – atthaddho hoti anatimānī; abhivādetabbaṃ abhivādeti, paccuṭṭhātabbaṃ paccuṭṭheti, āsanārahassa āsanaṃ deti, maggārahassa maggaṃ deti, sakkātabbaṃ sakkaroti, garukātabbaṃ garukaroti, mānetabbaṃ māneti, pūjetabbaṃ pūjeti.	tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được vào gia đình cao quý. Con đường ấy đưa đến gia đình cao quý, này Thanh niên, tức là không có ngạo nghễ quá mạn, đảnh lễ những người đáng đảnh lễ, đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, mời ngồi những người đáng mời ngồi, nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, tôn trọng những người đáng tôn trọng, cung kính những người đáng cung kính, cúng dường những người đáng cúng dường.
Duppañña - Mahāpañña	Trí Tuệ Yếu Kém – Trí Tuệ Đầy Đủ
296. ‘‘Idha, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā na paripucchitā hoti – ‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī’ti? So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati duppañño hoti. Duppaññasaṃvattanikā esā, māṇava,	- Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị trí tuệ yếu kém. Con đường ấy

paṭipadā yadidaṃ – samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā na paripucchitā hoti – ‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī’’’ti?	đưa đến trí tuệ yếu kém, này Thanh niên, tức là sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?
‘‘Idha pana, māṇava, ekacco itthī vā puriso vā samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā paripucchitā hoti – ‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī’ti? So tena kammena evaṃ samattena evaṃ samādinnena kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati. No ce kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjati, sace manussattaṃ āgacchati yattha yattha paccājāyati mahāpañño hoti. Mahāpaññasaṃvattanikā esā, māṇava, paṭipadā yadidaṃ – samaṇaṃ vā brāhmaṇaṃ vā upasaṅkamitvā paripucchitā hoti – ‘kiṃ, bhante, kusalaṃ, kiṃ akusalaṃ; kiṃ sāvajjaṃ, kiṃ anavajjaṃ; kiṃ sevitabbaṃ, kiṃ na sevitabbaṃ; kiṃ me karīyamānaṃ dīgharattaṃ ahitāya dukkhāya hoti, kiṃ vā pana me karīyamānaṃ dīgharattaṃ hitāya sukhāya hotī’’’ti?	Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, có hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được đầy đủ trí tuệ. Con đường ấy đưa đến đầy đủ trí tuệ, này Thanh niên, tức là có hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài?

	Kết luận
297. ‘‘Iti kho, māṇava, appāyukasaṃvattanikā paṭipadā appāyukattaṃ upaneti, dīghāyukasaṃvattanikā paṭipadā dīghāyukattaṃ upaneti; bavhābādhasaṃvattanikā paṭipadā bavhābādhattaṃ upaneti, appābādhasaṃvattanikā paṭipadā appābādhattaṃ upaneti; dubbaṇṇasaṃvattanikā paṭipadā dubbaṇṇattaṃ upaneti, pāsādikasaṃvattanikā paṭipadā pāsādikattaṃ upaneti; appesakkhasaṃvattanikā paṭipadā appesakkhattaṃ upaneti, mahesakkhasaṃvattanikā paṭipadā mahesakkhattaṃ upaneti; appabhogasaṃvattanikā paṭipadā appabhogattaṃ upaneti, mahābhogasaṃvattanikā paṭipadā mahābhogattaṃ upaneti; nīcakulīnasaṃvattanikā paṭipadā nīcakulīnattaṃ upaneti, uccākulīnasaṃvattanikā paṭipadā uccākulīnattaṃ upaneti; duppaññasaṃvattanikā paṭipadā duppaññattaṃ upaneti, mahāpaññasaṃvattanikā paṭipadā mahāpaññattaṃ upaneti. Kammassakā, māṇava, sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammappaṭisaraṇā. Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ – hīnappaṇītatāyā’’ti. Evaṃ vutte, subho māṇavo todeyyaputto bhagavantaṃ etadavoca –	Ở đây, này Thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ, con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ; con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh; con đường đưa đến ít bệnh, dẫn đến ít bệnh; con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc; con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc; con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ; con đường đưa đến quyền thế lớn dẫn đến quyền thế lớn; con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ; con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn; con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt; con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý, con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém; con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến trí tuệ đầy đủ. Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu. Khi nghe nói vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn: - Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc;

‘‘abhikkantaṃ, bho gotama, abhikkantaṃ, bho gotama! Seyyathāpi, bho gotama, nikkujjitaṃ vā ukkujjeyya, paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūḷhassa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotaṃ dhāreyya – ‘cakkhumanto rūpāni dakkhantī’ti; evamevaṃ bhotā gotamena anekapariyāyena dhammo pakāsito. Esāhaṃ bhavantaṃ gotamaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammañca bhikkhusaṅghañca. Upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata’’nti. *Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ niṭṭhitaṃ pañcamaṃ.*	cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. *Chấm dứt kinh Tiểu nghiệp phân biệt*

NGUỒN TÀI LIỆU:

- Bản Pāli Roman (Latin) **(P)** : http://tipitaka.online-dhamma.net/
- Bản tiếng Việt (V) : *Hòa thượng Thích Minh Châu*
- Bản tiếng Anh (E*)* :
  + (E) : I.B. Horner
  + *Bhikkhu Sujato* _ *https://suttacentral.net*
- Bản chữ Hán (*C*) :
  + (*C*) : *通妙譯 (Thông Diệu dịch)*_ *https://cbetaonline.dila.edu.tw/*
  + *莊春江譯 (Trang Xuân Giang dịch)* _ *https://agama.buddhason.org*

MÓN QUÀ PHÁP BẢO

Dhammapaṇṇākāra